

Số: **1283**/VTVcab  
V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN  
của BCTC hợp nhất giữa niên độ kỳ 6  
tháng năm 2022 của Tổng công ty thay  
đổi từ 10% trở lên so với BCTC cùng kỳ  
năm trước

Hà Nội, ngày **27** tháng 08 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam  
Mã chứng khoán: CAB  
Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

*Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

*Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.*

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ 6 tháng năm 2022 của Tổng công ty thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

| CHỈ TIÊU   | 6 tháng 2022      | 6 tháng 2021      | Chênh lệch       |                   |
|--|-------------------|-------------------|------------------|-------------------|
|  |                   |                   | Giá trị (VNĐ)    | Tỷ lệ % tăng/giảm |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                      | 1.058.281.706.596 | 1.154.775.551.853 | (96.493.845.257) | -8,4%             |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                | 7.272.730         | 1.855.000         | 5.417.730        | 292,1%            |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) | 1.058.274.433.866 | 1.154.773.696.853 | (96.499.262.987) | -8,4%             |
| 4. Giá vốn hàng bán  | 781.577.088.481   | 868.304.535.049   | (86.727.446.568) | -10,0%            |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)  | 276.697.345.385   | 286.469.161.804   | (9.771.816.419)  | -3,4%             |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                               | 2.075.507.607     | 1.343.131.026     | 732.376.581      | 54,5%             |
| 7. Chi phí tài chính   | 7.165.043.143     | 8.486.559.998     | (1.321.516.855)  | -15,6%            |



|   |                       |                       |                         |                |
|---|-----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------|
| - Trong đó: Chi phí lãi vay   | 6.883.555.241         | 8.299.971.836         | (1.416.416.595)         | -17,1%         |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                              | (2.512.334.885)       | (8.935.675.303)       | 6.423.340.418           | 71,9%          |
| 9. Chi phí bán hàng   | 75.172.944.674        | 84.079.927.020        | (8.906.982.346)         | -10,6%         |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 156.651.759.772       | 133.121.281.750       | 23.530.478.022          | 17,7%          |
| <b>11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b> | <b>37.270.770.518</b> | <b>53.188.848.759</b> | <b>(15.918.078.241)</b> | <b>-29,9%</b>  |
| 12. Thu nhập khác   | 21.825.084            | 574.251.490           | (552.426.406)           | -96,2%         |
| 13. Chi phí khác  | 66.341.135            | 27.415.773            | 38.925.362              | 142,0%         |
| <b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>  | <b>(44.516.051)</b>   | <b>546.835.717</b>    | <b>(591.351.768)</b>    | <b>-108,1%</b> |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                         | <b>37.226.254.467</b> | <b>53.735.684.476</b> | <b>(16.509.430.009)</b> | <b>-30,7%</b>  |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành   | 8.444.669.834         | 11.728.021.543        | (3.283.351.709)         | -28,0%         |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại  | 749.333.251           | 2.449.564.397         | (1.700.231.146)         | -69,4%         |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>               | <b>28.032.251.382</b> | <b>39.558.098.536</b> | <b>(11.525.847.154)</b> | <b>-29,1%</b>  |

Chi tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 giảm 29,1% so với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021 của VTVcab.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu của VTVcab giảm 8,4% so với cùng kỳ năm 2021 vì doanh thu dịch vụ truyền hình truyền thống, doanh thu quảng cáo có xu hướng sụt giảm mạnh do cạnh tranh gay gắt của các nhà cung cấp cũng như sự chuyển dịch của khách hàng đối với các dịch vụ mới, hình thức quảng cáo khác. Mặt khác, trong 6 tháng đầu năm 2022 VTVcab đã thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí so với 6 tháng năm 2021, cụ thể: giá vốn giảm 10,0%, chi phí tài chính giảm 15,6% (chủ yếu là chi phí lãi vay). Tuy nhiên tổng lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 của VTVcab vẫn giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Hoàng Ngọc Huân**